

Số: 132/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm
công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của UBND thành phố Hà Nội cho phép thành lập Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội;

Xét Văn bản số 08/HDNSXSPCNCLHN-VP ngày 02/11/2021 và hồ sơ báo cáo kết quả Đại hội lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2021-2026 và đề nghị phê duyệt Điều lệ của Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3898/TTr-SNV ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội đã được Đại hội đại biểu Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận: *đ*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn;
- Công an Thành phố; *đ*
- VP UBND TP: PCVP Võ Tuấn Anh, NC;
- Lưu: VT, NC.

80126 - 5:

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH** *đ*



Lê Hồng Sơn

ĐIỀU LỆ
HỘI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
CHỦ LỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành theo Quyết định số 132 /QĐ-UBND
ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi của Hội

- Tên tiếng Việt: Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội.
- Tên tiếng Anh: Hanoi Association of Enterprises producing main industrial products.
- Tên viết tắt: HAMI
- Biểu tượng: Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội có biểu tượng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Tôn chỉ: Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và Thủ đô Hà Nội.

2. Mục đích:

Hội tập hợp hội viên là các doanh nghiệp về sản xuất công nghiệp chủ lực của Thành phố Hà Nội qua đó phát huy vị trí, vai trò, thương hiệu của sản phẩm công nghiệp chủ lực là các sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, được tạo ra trên các dây chuyền thiết bị có trình độ công nghệ ngang tầm khu vực, phù hợp với trình độ sản xuất từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Thành phố Hà Nội, đảm bảo năng lực sản xuất và môi trường bền vững, tạo mức tăng trưởng cao, ổn định, đóng góp tỷ trọng lớn vào tổng GDP công nghiệp; tạo môi trường để các hội viên được chia sẻ, học hỏi; hỗ trợ kết nối để xây dựng cộng đồng doanh nghiệp hiệu quả; nâng cao năng lực cạnh tranh; tích cực hội nhập và đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản tại Ngân hàng và tài sản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

2. Hội tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt; chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Công Thương và các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội

1. Tự nguyện, tự quản;
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch;
3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động;
4. Không vì mục đích lợi nhuận;
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II**QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ****Điều 6. Quyền hạn**

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (nếu có) và quy định tại Điều 4 Thông tư 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số

33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2010/NĐ-CP.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

10. Khen thưởng các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên, những người làm việc tại Hội có thành tích tốt trong công tác đóng góp xây dựng Hội hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Tiến hành kết nối, xúc tiến về thương mại, đầu tư khảo sát thị trường, tổ chức tọa đàm cho Hội viên, các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật để tạo nguồn thu cho Hội.

9. Giới thiệu năng lực và kết nối các hội viên trong Hội với nhau và các hội viên ngoài Hội, hỗ trợ các hội viên mở rộng quan hệ quốc tế trong lĩnh vực và phạm vi hoạt động của hội theo quy định của pháp luật

10. Hàng năm, Hội thực hiện báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động với Sở Nội vụ, Sở Công Thương, các sở, ban, ngành liên quan, đảm bảo thời gian, chất lượng và thực hiện báo cáo công khai trong nội bộ Hội.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Hội viên của Hội bao gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức: Các doanh nghiệp/các tổ chức hợp pháp của doanh nghiệp Việt Nam về sản xuất công nghiệp chủ lực đang hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, tán thành điều lệ hội, tự nguyện gia nhập Hội theo đúng trình tự, thủ tục, có đủ tiêu chuẩn hội viên theo quy định của điều lệ hội, đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội. Thẩm quyền và thủ tục kết nạp hội viên do điều lệ hội quy định. Hội viên chính thức là tổ chức phải cử người đại diện là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc/Giám đốc của doanh nghiệp để thực hiện các quyền và nghĩa vụ hội viên theo Điều lệ. Người đại diện phải có đủ thẩm quyền quyết định những vấn đề liên quan đến trách nhiệm của hội viên trong hoạt động của Hội, trường hợp ủy nhiệm, người được ủy nhiệm phải có đủ thẩm quyền quyết định và phải chịu trách nhiệm về sự ủy nhiệm đó, khi thay đổi người đại diện, hội viên phải thông báo bằng văn bản cho Ban Thường trực Hội, chậm nhất không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

2. Hội viên liên kết: Các Doanh nghiệp, các tổ chức Việt Nam hoạt động hợp pháp tại Thành phố Hà Nội không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ thì được Hội xem xét công nhận là hội viên liên kết.

3. Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam là người có uy tín cao trong xã hội, có nhiều đóng góp cho hoạt động và sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện tham gia Hội thì sẽ được Hội mời làm hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương, nhiệm vụ, công việc của Hội theo quy định; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội

4. Được tham dự Đại hội (nếu là Đại hội toàn thể); được bầu tham dự Đại hội (nếu là Đại hội đại biểu), được ứng cử, đề cử, bầu cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, các chức danh lãnh đạo Hội theo quy định pháp luật và của Điều lệ Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội và được Hội xem xét giới thiệu đề các cơ quan thẩm quyền của Thành phố và Trung ương xét tặng các hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

7. Được cấp Thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ của hội viên chính thức trừ quyền biểu quyết các vấn đề của hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban lãnh đạo Hội, Ban kiểm tra Hội..

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch làm ảnh hưởng, tổn hại tới hình ảnh của Hội.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí gia nhập lần đầu và hội phí thường niên đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

6. Trả lại thẻ hội viên khi không còn là hội viên.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

a) Công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội; có đủ tiêu chuẩn theo quy định Điều lệ Hội, có nguyện vọng gia nhập Hội thì làm đơn gia nhập Hội theo mẫu do Hội quy định; kèm theo bản sao giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và 01 ảnh của người đại diện (đối với tổ chức) hoặc sơ yếu lý lịch tự khai, tự chịu trách nhiệm và 01 ảnh (đối với cá nhân); Quyết định của UBND Thành phố công nhận Doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp chủ lực gửi Văn phòng Hội;

b) Văn phòng Hội tổng hợp, báo cáo Ban Thường trực Hội, căn cứ quy chế làm việc, Ban Thường trực Hội ra quyết định kết nạp hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành Hội tại kỳ họp gần nhất của Ban Chấp hành;

c) Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân gia nhập Hội, Ban Thường trực Hội sẽ có quyết định kết nạp hội viên, hội viên đóng hội phí theo quy định và được cấp thẻ hội viên của Hội.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Khi hội viên có nguyện vọng xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Thường trực Hội nêu rõ lý do, Ban Thường trực xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên;

b) Hội viên hoạt động trái với quy định của pháp luật Việt Nam, trái với Điều lệ Hội, không chấp hành Nghị quyết; vi phạm các quy định của Hội; tổ chức tự ngừng hoạt động, bị đình chỉ hoạt động, bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật thì Ban Thường trực Hội xem xét, xóa tên hội viên

3. Tư cách hội viên bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Hội viên xin ra khỏi Hội;
 - b) Hội viên không tham gia sinh hoạt, không đóng hội phí liên tục từ 12 (mười hai) tháng trở lên;
 - c) Tổ chức bị đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động, bị giải thể phá sản, vi phạm pháp luật;
4. Ban Chấp hành Hội ra quyết định xóa tên hội viên trong vòng 15 ngày làm việc và thông báo đến Ban Chấp hành, hội viên của Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành
3. Ban Thường trực.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn, các tổ chức cơ sở thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Đại hội

a) Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có yêu cầu cần thiết hoặc khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) hội viên chính thức của Hội đề nghị;

b) Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hay Đại hội đại biểu do Ban Chấp hành quyết định. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà có thẩm quyền và có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

2. Nhiệm vụ của Đại hội

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Báo cáo Kiểm điểm của Ban Chấp hành, Báo cáo của Ban Kiểm tra, Báo cáo tài chính; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có);

c) Quyết định việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Thông qua nghị quyết Đại hội;

e) Các nội dung khác (nếu có)

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số hội viên (trong trường hợp Đại hội toàn thể) hoặc quá $\frac{1}{2}$ (một phần hai) đại biểu chính thức (trong trường hợp Đại hội đại biểu) có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội và là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ Đại hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật và các quy định của Hội phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Hội;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Ban Chấp hành bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Kiểm tra. Số Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá $\frac{1}{3}$ (một phần ba) so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Quyết định mức thu hội phí;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo nguyên tắc tập thể, theo Quy chế của Ban Chấp hành xây dựng, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 04 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành đề nghị;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) số Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường trực

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy

viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội; tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức của các tổ chức, đơn vị thuộc Hội (nếu có).

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực Hội:

a) Ban Thường trực hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân theo quy định của pháp luật và phù hợp với Điều lệ Hội;

b) Ban Thường trực mỗi quý họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường trực yêu cầu;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) Ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ, Nghị quyết Đại hội; quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; các Quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

b) Kiểm tra giám sát thu chi tài chính của Hội, báo cáo cho hội viên hàng năm;

c) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của hội viên, tổ chức trực thuộc Hội và công dân gửi đến Hội theo quy định pháp luật

d) Ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành Hội ban hành, phù hợp với Điều lệ Hội và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các thành viên của Ban Thường trực Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

d) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;

đ) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản theo thẩm quyền của Ban Chấp hành, Ban Thường trực;

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết các công việc của Hội được ủy quyền bằng các văn bản cho các Phó Chủ tịch Hội phụ trách các lĩnh vực liên quan đảm nhận.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số thành viên Ban Thường trực Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công và ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn, tổ chức cơ sở thuộc Hội

1. Căn cứ tình hình thực tế, Ban Chấp hành Hội quyết định thành lập Văn phòng Hội, các ban chuyên môn và các tổ chức cơ sở thuộc Hội.

2. Văn phòng Hội và các ban chuyên môn là cơ quan giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội hoặc Phó Chủ tịch Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội. Văn phòng Hội và các ban chuyên môn hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành phê duyệt.

3. Các tổ chức cơ sở thuộc Hội do Hội thành lập, gồm chi hội, phân hội, tổ hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và các quy chế, quy định của Hội. Tổ chức cơ sở thuộc Hội không có tư cách pháp nhân, không có con dấu và tài khoản riêng.

Chương V

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ

Điều 19. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có).

b) Các khoản chi của Hội

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật, được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội.

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ hội.

Điều 23. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì tùy mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Phê bình, cảnh cáo, khai trừ khỏi Hội.

Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật còn bị xử lý theo pháp luật.

2. Ban Chấp hành hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

Chỉ có Đại hội Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật mới có hiệu lực thực hiện.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có 08 (tám) Chương và 25 (hai mươi lăm) Điều đã được Đại hội Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ 2021 - 2026 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực, thành phố Hà Nội, Ban chấp hành Hội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. *Stt*

